

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB AN KHANG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11-12
Báo cáo kiểm toán độc lập	13
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	14-39
Báo cáo thu nhập	14
Báo cáo tình hình tài chính	15-16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	17
Báo cáo danh mục đầu tư	18
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	19
Thuyết minh báo cáo tài chính	20-39

QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB AN KHANG

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB An Khang ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUỸ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB An Khang thành lập tại Việt Nam theo thông báo Thành lập Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB An Khang số 410/TB-MBC ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 03/GCN-QLQHTBSTN ngày 09 tháng 07 năm 2021 của Bộ tài chính. Quỹ hoạt động tuân thủ theo Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 86/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 19/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện tại doanh nghiệp, Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Quỹ là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, nằm trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB cung cấp.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB An Khang được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPDC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024 và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 53/GPDC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Thanh Nga	Chủ tịch
Bà: Đặng Minh Huyền	Thành viên
Bà: Trần Thị Bích Thuận	Thành viên

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bạch Thế Phong	Giám đốc Đầu tư (Bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Bà: Bùi Thị Trang Nhung	Giám đốc Đầu tư (Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)
Ông: Giang Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông: Hà Anh Tùng	Giám đốc Đầu tư (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát số 01/HĐGS/ BIDV - MB Capital ngày 16 tháng 07 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

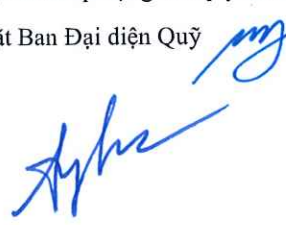
CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 về việc sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ


Nguyễn Thị Thanh Nga
Chủ tịch Ban đại diện
Hà Nội, 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB AN KHANG

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Đầu tư tích lũy bên cạnh bảo hiểm xã hội bắt buộc, giúp tăng thu nhập của người lao động khi đến tuổi nghỉ hưu. Nhà nước khuyến khích phát triển chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện thông qua các chính sách ưu đãi quy định tại pháp luật về thuế.

Gia tăng gắn kết giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Là công cụ được hưởng miễn, giảm thuế cho người lao động và người sử dụng lao động.

Gia tăng tài sản tiết kiệm.

Tạo thói quen tích lũy, nâng cao tỷ lệ tiết kiệm.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 63,94% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) của Quỹ tăng 5,71% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ MB An Khang là xây dựng danh mục hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận ổn định cho người tham gia Quỹ. Các tài sản được đầu tư của Quỹ bao gồm Trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định và chứng khoán đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ. Cơ cấu đầu tư của Quỹ dự kiến tối thiểu 65% tổng tài sản vào trái phiếu chính phủ và các tài sản có thu nhập cố định, tối đa 35% tổng tài sản vào chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán cổ phiếu.

Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và không thuộc diện tái cơ cấu hoặc kiểm soát, giám sát đặc biệt; không phải là người có liên quan của Công ty quản lý
- Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương;
- Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán.

1.4 . Mức độ rủi ro ngắn hạn

Chiến lược đầu tư của Quỹ tập trung đầu tư vào thị trường các công cụ nợ có mức độ rủi ro thấp. Bên cạnh đó, rủi ro của danh mục đầu tư sẽ được giảm thiểu bằng việc đầu tư nhiều công cụ nợ khác nhau phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

1.5 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB An Khang là Quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB theo thông báo thành lập Quỹ số 410/TB-MBC ngày 19 tháng 07 năm 2021 và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính Phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện và các quy định pháp luật có liên quan;

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB AN KHANG

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

1.6 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 117.529.389.700 VND, tương đương với 11.752.938,97 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 149.793.382.783 VND.

1.7 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.8 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận của Quỹ;

Đối với khoản đóng góp: Theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành, chi phí được trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần đóng góp vào chương trình hưu trí của người sử dụng lao động cho người lao động tối đa 03 triệu VND/người/tháng; mức đóng được trừ ra khoản thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập cá nhân tối đa 01 triệu VND/tháng.

Đối với khoản chi trả:

- Người lao động nhận chi trả sau khi đủ tuổi nghỉ hưu và nhận chi trả hàng tháng trong thời gian ít nhất 120 tháng thì được miễn hoàn toàn thuế thu nhập cá nhân;
- Người lao động nhận chi trả khi chưa đủ tuổi nghỉ hưu hoặc nhận chi trả trong thời gian ít hơn 120 tháng khi đủ tuổi nghỉ hưu thì áp dụng mức thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế tại thời điểm chi trả.

1.9 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ

	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
	%	%	%
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	1,02%	0,22%	0,09%
2. Trái phiếu niêm yết	51,27%	52,81%	54,77%
3. Chứng chỉ quỹ	8,19%	9,82%	4,78%
4. Tài sản khác	39,52%	37,15%	40,35%
	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB AN KHANG

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	<u>DVT</u>	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	149.793.382.783	91.370.732.919	51.301.069.257
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	11.752.938,97	7.578.721,15	4.470.536,84
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ	VND	12.745	12.056	11.475
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong năm	VND	12.745	12.056	11.475
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong năm	VND	12.042	11.507	10.731
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	0,53%	0,51%	0,43%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	12,65%	18,13%	50,94%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

<u>Giai đoạn</u>	<u>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ</u>	<u>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm</u>
	%	%
1 năm đến thời điểm báo cáo	5,71%	5,71%
3 năm đến thời điểm báo cáo	18,97%	5,96%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	27,45%	5,77%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

<u>Thời kỳ</u>	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	5,71%	5,06%	7,11%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

Kinh tế năm 2025 tăng trưởng 8,02%, cao thứ hai trong giai đoạn 2011 - 2025 nhờ động lực chính từ dịch vụ và sản xuất công nghiệp.

Chỉ số PMI tháng 12 năm 2025 đạt 53 điểm giảm so với 53,8 điểm của tháng 11 năm 2025 (Sản lượng tiếp tục tăng, nhưng tình trạng khan hiếm nguồn cung đẩy mức tăng chỉ phí lên mức cao nhất trong ba năm rưỡi).

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 12 năm 2025 tăng 0,19% so với tháng trước, và tăng 3,31% so với cùng kì năm trước.

Tính chung năm 2025, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với cùng kì; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với cùng kì; cán cân thương mại xuất siêu ở mức 20,03 tỷ USD.

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB AN KHANG

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

3.2 Tình hình thị trường trái phiếu

Tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong 12 tháng đầu năm 2025 là 378.550 tỷ đồng, tương đương hơn 75,7% kế hoạch cả năm (500.000 tỷ đồng). Trái phiếu phát hành trong tháng có các kỳ hạn 5, 10 và 30, trong đó tập trung chủ yếu vào kỳ hạn 10 năm (95,6%) tương ứng khối lượng 61,7 nghìn tỷ đồng.

Lợi suất TPCP Việt Nam có xu hướng tăng ở hầu hết các kỳ hạn.

Theo dữ liệu tổng hợp từ HNX và SSC, trong tháng 12, thị trường có 90 lô trái phiếu doanh nghiệp. Tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành đạt gần 92.345 tỷ đồng, tăng so với tháng trước.

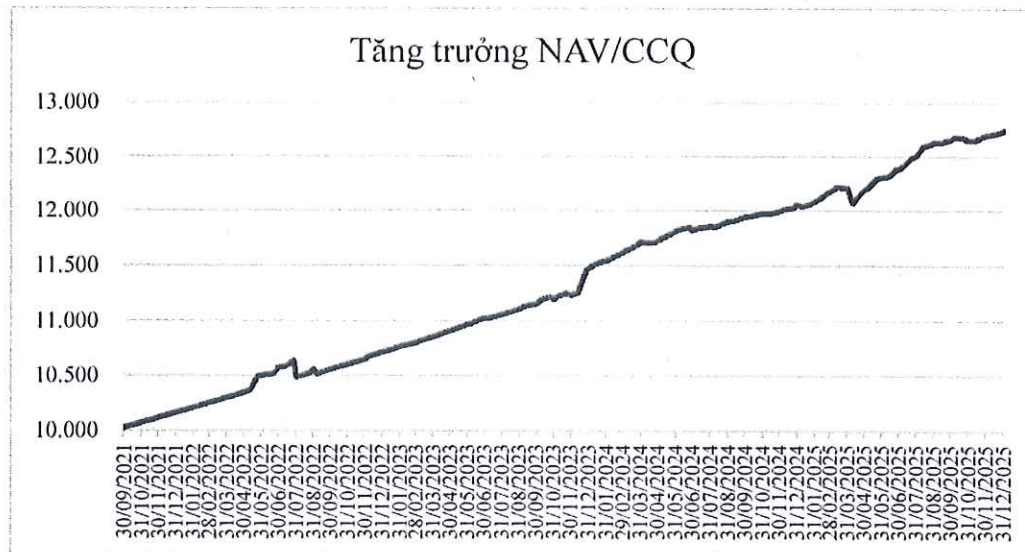
Các ngân hàng và bất động sản tiếp tục là lực đẩy chính của thị trường khi đã phát hành lần lượt đạt gần 58.687 và 19.958 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 12, chiếm tới 85% tổng lượng phát hành toàn thị trường.

4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm đến thời điểm báo cáo	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo
	%	%	%
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	3,91%	14,65%	22,63%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	1,80%	4,32%	4,82%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	5,71%	18,97%	27,45%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	5,71%	5,96%	5,77%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ từ khi thành lập đến ngày 31/12/2025 như sau:



QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỄN MB AN KHANG

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	31/12/2025	31/12/2024	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	149.793.382.783	91.370.732.919	63,94%
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ	12.745	12.056	5,71%

4.2 . Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tu nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	1.418	2.349.043,82	19,99%
Từ 5.000 đến 10.000	352	2.659.301,94	22,63%
Từ trên 10.000 đến 50.000	293	5.261.497,12	44,77%
Từ trên 50.000 đến 500.000	21	1.483.096,09	12,61%
	<u>2.084</u>	<u>11.752.938,97</u>	<u>100%</u>

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi kỳ vọng, mục tiêu tăng trưởng GDP cao cùng mục tiêu ổn định các chỉ tiêu vĩ mô khác sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động đầu tư và nhu cầu huy động vốn dài hạn. Bên cạnh đó, mức tín dụng ngân hàng trong tổng nguồn vốn trong nền kinh tế đã quá cao, phát đi mức cảnh báo tới Ngân hàng Nhà nước. Chúng tôi kỳ vọng, các kênh huy động vốn khác như trái phiếu sẽ được các cơ quan chức năng thúc đẩy để các kênh này hoạt động tích cực hơn, thay thế một phần cho tín dụng ngân hàng. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2026 sẽ sôi động hơn, nhiều trái phiếu đại chúng sẽ được phát hành hơn. Trái phiếu ngân hàng vẫn sẽ chiếm phần lớn lượng phát hành, tuy nhiên các công ty chứng khoán, sản xuất cũng sẽ tăng huy động. Lãi suất phát hành có thể tăng nhẹ trong năm 2026 khi mặt bằng lãi suất thị trường 1 và thị trường 2 đều có xu hướng tăng.

6 . THÔNG TIN KHÁC**Đội ngũ quản lý quỹ**

Ông Bạch Thế Phong
Giám đốc Đầu tư

Ông Bạch Thế Phong có gần 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB vào năm 2015, ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tư vấn Đầu tư. Ông Phong là thành viên Hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỄN MB AN KHANG

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Bà Bùi Thị Trang Nhung
Giám đốc Đầu tư

Bà Bùi Thị Trang Nhung có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB từ năm 2015 với vị trí chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp và trợ lý quản lý danh mục đầu tư, hiện bà Nhung phụ trách hoạch định, đề xuất chiến lược và giải pháp đầu tư. Bà Nhung là thành viên hiệp hội các nhà đầu tư phân tích tài chính (CFA Charter Holder) từ năm 2019.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Nga có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt và có nhiều đóng góp với MB như Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Phó Giám đốc Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Đầu tư, Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas. Tháng 02/2019 Bà Nga được bổ nhiệm Giám đốc Tài chính phụ trách Khối Tài chính Kế toán, thực hiện nhiệm vụ Giám đốc Tài chính của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

Bà Đặng Minh Huyền
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) từ năm 2007, Bà Đặng Minh Huyền có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc tại MB và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Phó Phòng Quản lý tín dụng, Trưởng bộ phận thẩm định SME Khối quản trị rủi ro, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị. Năm 2017, Bà Huyền được bổ nhiệm làm thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital (JAMBF) và tham gia vào hội đồng đầu tư của Quỹ JAMBF. Hiện nay, Bà Huyền đang giữ chức Giám đốc nhân sự, Khối Tổ chức nhân sự MB.

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB AN KHANG

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Bà Trần Thị Bích Thuận
*Thành viên Ban Đại diện
Quý*

Bà Trần Thị Bích Thuận tốt nghiệp cử nhân Kinh tế đối ngoại tại Đại học Ngoại thương và có bằng Thạc sĩ quản lý tài chính của Đại học Bordeaux - Pháp, Chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Bà Thuận có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Khối Nguồn Vốn và Kinh doanh tiền tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà Trần Thị Bích Thuận hiện là Phó Tổng Giám đốc Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei.



Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Hà Nội, 23 tháng 03 năm 2026

Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện MB An Khang

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện MB An Khang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì giai đoạn này, Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện MB An Khang đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Việc lưu ký tài sản của quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hưu trí và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc đóng góp/chi trả đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ông Nguyễn Mạnh Cường
Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Ông Nguyễn Ngọc Vinh
Chuyên viên

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện
Quỹ Hưu Trí Bồ Sung Tự Nguyễn MB An Khang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Hưu Trí Bồ Sung Tự Nguyễn MB An Khang được lập 23 tháng 03 năm 2026, từ trang 14 đến trang 39, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện MB An Khang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, 23 tháng 03 năm 2026

Đoàn Thị Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0937-2023-002-1

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		7.092.090.551	3.751.327.633
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	3	2.432.087.694	1.539.964.563
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	2.666.757.776	1.606.923.910
05	1.3 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	1.993.245.081	604.439.160
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		3.514.018	2.687.178
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	6	3.514.018	2.687.178
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ HỮU TRÍ		627.322.418	363.204.620
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ		-	-
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ		122.116.643	38.076.928
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		132.000.000	41.066.666
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ		132.000.000	41.066.666
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		198.000.000	198.000.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		40.000.000	42.500.000
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	7	3.205.775	2.494.360
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		6.461.254.115	3.385.435.835
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		6.461.254.115	3.385.435.835
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		4.468.009.034	2.780.996.675
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		1.993.245.081	604.439.160
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		6.461.254.115	3.385.435.835




Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán




Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
			VND	VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	8	1.523.423.538	198.743.836
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		1.523.423.538	198.743.836
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	144.110.389.303	88.960.181.868
121	2.1 Các khoản đầu tư		144.110.389.303	88.960.181.868
121	2.1.1 Các khoản đầu tư trái phiếu		76.908.553.738	48.334.008.823
121	2.1.2 Chứng chỉ quỹ		12.282.835.565	8.986.173.045
121	2.1.3 Tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng		54.919.000.000	31.640.000.000
130	3. Các khoản phải thu	10	4.368.119.152	2.356.816.221
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		4.368.119.152	2.356.816.221
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		4.368.119.152	2.356.816.221
100	TỔNG TÀI SẢN		150.001.931.993	91.515.741.925
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		7.478.081	-
316	2. Chi phí phải trả	11	20.000.000	21.250.000
317	3. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	12	4.000.000	4.000.000
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	13	177.071.129	119.759.006
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		208.549.210	145.009.006
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ 'NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ'	14	149.793.382.783	91.370.732.919
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		117.529.389.700	75.787.211.500
412	1.1 Vốn góp phát hành		124.524.534.200	78.485.322.700
413	1.2 Vốn góp mua lại		(6.995.144.500)	(2.698.111.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		18.956.362.014	8.737.144.465
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	15	13.307.631.069	6.846.376.954
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		12.745	12.056



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	11.752.938,97	7.578.721,15

Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập

Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) đầu năm	91.370.732.919	51.301.069.257
II.	Thay đổi NAV trong năm	6.461.254.115	3.385.435.835
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ hưu trí trong năm	6.461.254.115	3.385.435.835
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ hưu trí cho nhà đầu tư trong năm	-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	51.961.395.749	36.684.227.827
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	57.352.298.428	38.208.174.805
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	5.390.902.679	1.523.946.978
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ hưu trí cuối năm (IV= I+II+III)	149.793.382.783	91.370.732.919

Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập

Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên
			ngày 31/12/2025		Tổng giá trị tài
			VND	VND	của Quỹ
					%
I	Cổ phiếu chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ không niêm yết				
1.	Chứng chỉ quỹ				
1.1	MBVF	437.921,08	26.922	11.789.711.316	7,86%
1.2	BMFF	31.111,94	15.850	493.124.249	0,33%
	Tổng	469.033,02		12.282.835.565	8,19%
II	Trái phiếu niêm yết				
1	TD1727396	28.500	102.188,47	2.912.371.404	1,94%
2	TD1828113	186.574	110.463,68	20.609.650.405	13,74%
3	TD1934191	143.400	112.724,42	16.164.682.342	10,78%
4	TD2232114	26.300	114.762,89	3.018.264.100	2,01%
5	TD2333116	69.600	106.121,00	7.386.021.600	4,92%
6	TD2338132	180.415	113.662,58	20.506.434.392	13,67%
7	TD2333117	60.500	104.316,19	6.311.129.495	4,21%
	Tổng	695.289		76.908.553.738	51,27%
III	Các tài sản khác				
1	Dự thu lãi trái phiếu			2.431.472.381	1,62%
2	Dự thu lãi tiền gửi			1.936.646.771	1,29%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			54.919.000.000	36,61%
	Tổng			59.287.119.152	39,52%
IV	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			1.523.423.538	1,02%
	Tổng			1.523.423.538	1,02%
IV	Tổng giá trị danh mục			150.001.931.993	100%

Sao Mai

Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập

Phạm Thị Thu Hương

Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(72.202.489.210)	(58.427.011.281)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		18.340.000.000	19.826.000.000
04	4. Tiền lãi đã thu		3.793.069.395	2.591.933.940
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ hưu trí		(571.260.295)	(258.058.467)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		(3.514.018)	(2.687.178)
09	7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư		-	21.250.000
10	8. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư		-	(21.250.000)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(50.644.194.128)</i>	<i>(36.269.822.986)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ hưu trí		57.352.298.428	38.208.174.805
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ hưu trí		(5.383.424.598)	(1.786.157.255)
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>51.968.873.830</i>	<i>36.422.017.550</i>
40	III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM		1.324.679.702	152.194.564
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	8	198.743.836	46.549.272
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		198.743.836	46.549.272
52	<i>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ</i>		<i>194.743.836</i>	<i>42.549.272</i>
53	<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ</i>		<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	8	1.523.423.538	198.743.836
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		1.523.423.538	198.743.836
57	<i>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ</i>		<i>1.519.423.538</i>	<i>194.743.836</i>
58	<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ</i>		<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		1.324.679.702	152.194.564

Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập biểu

Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Hà Nội, 23 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB An Khang thành lập tại Việt Nam theo thông báo Thành lập Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB An Khang số 410/TB-MBC ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 03/GCN-QLQHTBSTN ngày 09 tháng 07 năm 2021 của Bộ tài chính. Quỹ hoạt động tuân thủ theo Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 86/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 19/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện tại doanh nghiệp, Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Quỹ là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, nằm trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB cung cấp.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB An Khang được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024 và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 53/GPĐC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát số 01/HĐGS/ BIDV - MB Capital ngày 16 tháng 07 năm 2021.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ MB An Khang là xây dựng danh mục hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận ổn định cho người tham gia Quỹ. Các tài sản được đầu tư của Quỹ bao gồm Trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định và chứng khoán đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ. Cơ cấu đầu tư của Quỹ dự kiến tối thiểu 65% tổng tài sản vào trái phiếu chính phủ và các tài sản có thu nhập cố định, tối đa 35% tổng tài sản vào chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán cổ phiếu.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng*Ngày định giá*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm (nếu có).

Ngay sau khi Ngân hàng Giám sát xác nhận việc xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ sẽ được công bố công khai cho người tham gia quỹ theo quy định hiện hành.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ Quỹ vào ngày Thứ Năm thứ hai và thứ tư trong tháng. Nếu ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trước về ngày giao dịch kế tiếp và thời điểm đóng sổ lệnh chi tiết trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ. Tần suất giao dịch không ít hơn một (01) lần trong một (01) tháng.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB An Khang được phép đầu tư các loại tài sản sau:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và không thuộc diện tái cơ cấu hoặc kiểm soát, giám sát đặc biệt; không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ;
- Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương;
- Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán.

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB An Khang sẽ tuân theo các hạn chế đầu tư sau đây:

- Tỷ trọng giá trị đầu tư trái phiếu chính phủ (bao gồm cả khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ thông qua chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán) tối thiểu bằng 50% trong tổng giá trị tài sản quỹ hưu trí;
- Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ của một quỹ đầu tư chứng khoán.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- Thực hiện lệnh giao dịch của Người tham gia quỹ;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày lập quỹ;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của Quỹ:

- Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định về hạn chế đầu tư;
- Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ**2.1 . Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ; Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện; Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Thông tư số 86/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/8/2017 về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện; Thông tư số 19/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục “Phải thu và dự thu, cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, trái phiếu được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

<i>STT</i>	<i>Loại tài sản</i>	<i>Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết	<p>Giá yết (giá sạch) bình quân gia quyền trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá mà không có biến động bất thường cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;</p> <p>Biến động bất thường của giá Trái phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trái phiếu có biến động bất thường là giá có chênh lệch tuyệt đối quá 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất. <p>Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, giá được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá. <p>Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu được định giá theo mệnh giá của trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán		
4.	Quỹ, Quỹ thành viên	<p>Giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ của ngày có giao dịch/ngày định giá gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua trung bình.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Lệnh đăng ký đóng góp

Lệnh đóng góp phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư đóng góp vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Lệnh đóng góp được phản ánh theo mệnh giá.

Lệnh chi trả/chuyển đổi

Lệnh chi trả phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Lệnh chi trả được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư Lệnh đóng góp của Nhà đầu tư

Thặng dư lệnh đóng góp/ chi trả thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được đóng góp/ chi trả.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư lệnh đóng góp và thặng dư lệnh chi trả.

- Thặng dư lệnh đóng góp là chênh lệch giữa giá đóng góp chứng chỉ quỹ và mệnh giá
- Thặng dư lệnh chi trả là chênh lệch giữa giá chứng chỉ Quỹ chi trả và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch do đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào Lợi nhuận chưa phân phối.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm (nếu có) được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin công khai cho người tham gia quỹ theo quy định hiện hành.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc tại Thuyết minh 2.6.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn đến hàng đơn vị.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).



2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ ()*

Giá dịch vụ quản lý là 1,0%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,0% * Giá trị tài sản ròng tính phí quản lý tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá trị tài sản ròng tính phí quản lý = Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ - Phần giá trị tài sản của khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư do Công ty quản lý quỹ quản lý.

*Giá dịch vụ Ngân hàng giám Sát (**)*

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02% /năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát = 0,02% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

*Giá dịch vụ Lưu Ký (**)*

Giá Dịch vụ lưu ký là 0,04%/ năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Mức giá này được áp dụng kể từ năm thứ tư tính từ ngày Quỹ chính thức hoạt động. Mức giá trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá Dịch vụ lưu ký = 0,04% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Mức giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.

*Giá dịch vụ quản trị quỹ (**)*

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

(*) Theo thông báo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB về mức giá dịch vụ áp dụng cho các quỹ hưu trí trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB: được miễn phí cho đến khi được thay thế bằng văn bản khác.

(**) Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ Quản trị Quỹ được áp dụng kể từ năm thứ tư tính từ ngày Quỹ chính thức hoạt động. Kể từ ngày 22 tháng 09 năm 2024, Quỹ bắt đầu chịu các khoản phí này.

Giá dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân

Giá dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho Người tham gia quỹ, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác. Chi tiết mức giá dịch vụ như sau:

- 15.000.000 VND/tháng cho quỹ có số lượng tài khoản dưới 30.000 tài khoản;
- 20.000.000 VND/tháng cho quỹ có số lượng tài khoản từ 30.000 tài khoản đến 50.000 tài khoản;
- 25.000.000 VND/tháng cho quỹ có số lượng tài khoản trên 50.000 tài khoản;
- Cung cấp danh sách người sở hữu: 1.000.000 VND/ lần lập danh sách.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận của Quỹ.

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức khi thực hiện Lệnh chi trả.

Đối với khoản đóng góp: Theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành, chi phí được trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần đóng góp vào chương trình hưu trí của người sử dụng lao động cho người lao động tối đa 03 triệu VND/người/tháng; mức đóng được trừ ra khoản thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập cá nhân tối đa 01 triệu VND/tháng.

QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB AN KHANG**Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đối với khoản chi trả:

- Người lao động nhận chi trả sau khi đủ tuổi nghỉ hưu và nhận chi trả hàng tháng trong thời gian ít nhất 120 tháng thì được miễn hoàn toàn thuế thu nhập cá nhân;
- Người lao động nhận chi trả khi chưa đủ tuổi nghỉ hưu hoặc nhận chi trả trong thời gian ít hơn 120 tháng khi đủ tuổi nghỉ hưu thì áp dụng mức thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế tại thời điểm chi trả.

Từ tháng 11 năm 2023, mức thuế áp dụng đối với người lao động đảm bảo đủ điều kiện rút 1 lần trước tuổi nghỉ hưu hoặc nhận chi trả 1 lần toàn bộ số tiền tích lũy sau khi đã đến tuổi nghỉ hưu: là thu nhập từ đầu tư vốn với thuế suất là 5% từ phần lợi tức (kết quả đầu tư) mà người lao động được nhận, được xác định là phần tăng thêm giữa số tiền cá nhân được nhận từ Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện với khoản đã đóng Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện (bao gồm khoản đóng của người sử dụng lao động và người lao động) theo công văn trả lời số 4567/TCT - DNNCN về “Chính sách thuế TNCN” ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tổng cục Thuế.

Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước.

2.16. Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3. CỎ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi trái phiếu	2.432.087.694	1.539.964.563
	2.432.087.694	1.539.964.563

4. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.666.757.776	1.606.923.910
	2.666.757.776	1.606.923.910

5 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2025 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2025 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2025 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Chứng chỉ quỹ	9.610.000.000	12.282.835.565	2.672.835.565	676.173.045	1.996.662.520
Trái phiếu niêm yết	76.960.700.758	76.908.553.738	(52.147.020)	(48.729.581)	(3.417.439)
	<u>86.570.700.758</u>	<u>89.191.389.303</u>	<u>2.620.688.545</u>	<u>627.443.464</u>	<u>1.993.245.081</u>

Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024

	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2024 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2024 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2023 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Chứng chỉ quỹ	8.310.000.000	8.986.173.045	676.173.045	18.341.478	657.831.567
Trái phiếu niêm yết	48.382.738.404	48.334.008.823	(48.729.581)	4.662.826	(53.392.407)
	<u>56.692.738.404</u>	<u>57.320.181.868</u>	<u>627.443.464</u>	<u>23.004.304</u>	<u>604.439.160</u>

6 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phí giao dịch mua trái phiếu	3.514.018	2.687.178
	<u>3.514.018</u>	<u>2.687.178</u>

7 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phí ngân hàng	3.205.775	2.494.360
	<u>3.205.775</u>	<u>2.494.360</u>

8 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	1.519.423.538	194.743.836
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	4.000.000	4.000.000
	<u>1.523.423.538</u>	<u>198.743.836</u>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá l:
	Giá mua	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
	VND	VND	VND	VND	VN
Tại ngày 31/12/2025					
Trái phiếu niêm yết	76.960.700.758	76.908.553.738	12.582.169	(64.729.189)	76.908.553.73
Chứng chỉ quỹ	9.610.000.000	12.282.835.565	2.679.711.316	(6.875.751)	12.282.835.56
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	54.919.000.000	54.919.000.000	-	-	54.919.000.00
	141.489.700.758	144.110.389.303	2.692.293.485	(71.604.940)	144.110.389.30
Tại ngày 31/12/2024					
Trái phiếu niêm yết	48.382.738.404	48.334.008.823	22.298.625	(71.028.206)	48.334.008.82
Chứng chỉ quỹ	8.310.000.000	8.986.173.045	676.173.045	-	8.986.173.04
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	31.640.000.000	31.640.000.000	-	-	31.640.000.00
	88.332.738.404	88.960.181.868	698.471.670	(71.028.206)	88.960.181.86

QUỸ HỮU TRÍ BÓ SUNG TỰ' NGUYỄN MB AN KHANG**Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

10 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	2.431.472.381	1.586.470.031
Dự thu lãi tiền gửi	1.936.646.771	770.346.190
	<u>4.368.119.152</u>	<u>2.356.816.221</u>

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	20.000.000	21.250.000
	<u>20.000.000</u>	<u>21.250.000</u>

12 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	4.000.000	4.000.000
	<u>4.000.000</u>	<u>4.000.000</u>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

13 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	50.571.129	37.625.674
Phải trả phí dịch vụ giám sát	55.000.000	41.066.666
Phải trả phí dịch vụ quản trị	55.000.000	41.066.666
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	16.500.000	-
	<u>177.071.129</u>	<u>119.759.006</u>

14 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>31/12/2023</u>	<u>Phát sinh</u> <u>trong kỳ</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND	VND
Từ 31/12/2023 đến 31/12/2024			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	4.612.121,26	3.236.411,01	7.848.532,27
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.713	11.806	11.163
Giá trị ghi theo mệnh giá	46.121.212.600	32.364.110.100	78.485.322.700
Thặng dư vốn	3.286.514.652	5.844.064.705	9.130.579.357
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	49.407.727.252	38.208.174.805	87.615.902.057
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	141.584,42	128.226,70	269.811,12
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	11.072	11.885	11.458
Giá trị ghi theo mệnh giá	1.415.844.200	1.282.267.000	2.698.111.200
Thặng dư vốn	151.754.914	241.679.978	393.434.892
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	1.567.599.114	1.523.946.978	3.091.546.092
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	4.470.536,84	3.108.184,31	7.578.721,15
Giá trị vốn góp hiện hành	47.840.128.138	36.684.227.827	84.524.355.965
Lợi nhuận chưa phân phối	3.460.941.119	3.385.435.835	6.846.376.954
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	51.301.069.257		91.370.732.919
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ trên 1 chứng chỉ quỹ	11.475		12.056

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB AN KHANG

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	<u>31/12/2024</u> VND	<u>Phát sinh trong kỳ</u> VND	<u>31/12/2025</u> VND
Từ 31/12/2024 đến 31/12/2025			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	7.848.532,27	4.603.921,15	12.452.453,42
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	11.163	12.457	11.642
Giá trị ghi theo mệnh giá	78.485.322.700	46.039.211.500	124.524.534.200
Thặng dư vốn	9.130.579.357	11.313.086.928	20.443.666.285
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	87.615.902.057	57.352.298.428	144.968.200.485
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	269.811,12	429.703,33	699.514,45
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	11.458	12.546	12.126
Giá trị ghi theo mệnh giá	2.698.111.200	4.297.033.300	6.995.144.500
Thặng dư vốn	393.434.892	1.093.869.379	1.487.304.271
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	3.091.546.092	5.390.902.679	8.482.448.771
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	7.578.721,15	4.174.217,82	11.752.938,97
Giá trị vốn góp hiện hành	84.524.355.965	51.961.395.749	136.485.751.714
Lợi nhuận chưa phân phối	6.846.376.954	6.461.254.115	13.307.631.069
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	91.370.732.919		149.793.382.783
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	12.056		12.745
15 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI		<u>31/12/2025</u> VND	<u>31/12/2024</u> VND
Lợi nhuận đã thực hiện		10.686.942.524	6.218.933.490
Lợi nhuận chưa thực hiện		2.620.688.545	627.443.464
		13.307.631.069	6.846.376.954

16 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ HỮU TRÍ

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	0,53%	0,51%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	12,65%	18,13%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động*100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong năm + Tổng giá trị bán trong năm)/2 *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

17 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ không niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Đại diện Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào trái phiếu niêm yết.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

18 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	31/12/2023	51.301.069.257	4.470.536,84	11.475	
2	10/01/2024	51.443.067.083	4.470.536,84	11.507	32
3	24/01/2024	53.865.801.255	4.668.760,11	11.537	30
4	31/01/2024	54.068.688.042	4.684.351,13	11.542	5
5	21/02/2024	54.343.638.642	4.684.351,13	11.601	59
6	29/02/2024	56.976.752.672	4.903.385,93	11.620	19
7	13/03/2024	57.131.111.666	4.903.385,93	11.651	31
8	27/03/2024	60.161.022.282	5.145.010,86	11.693	42
9	31/03/2024	61.865.297.168	5.282.783,98	11.711	18
10	10/04/2024	61.838.142.499	5.282.783,98	11.706	(5)
11	24/04/2024	64.473.746.468	5.507.958,49	11.706	-
12	30/04/2024	64.778.728.612	5.527.048,28	11.720	14
13	08/05/2024	64.935.019.821	5.527.048,28	11.749	29
14	22/05/2024	67.602.179.766	5.738.788,86	11.780	31
15	31/05/2024	68.023.587.172	5.760.936,05	11.808	28
16	12/06/2024	68.157.258.497	5.760.936,05	11.831	23
17	26/06/2024	70.904.700.960	5.987.731,70	11.842	11
18	30/06/2024	71.806.901.327	6.076.452,41	11.817	(25)
19	10/07/2024	71.946.538.110	6.076.452,41	11.840	23
20	24/07/2024	74.617.538.069	6.299.869,71	11.844	4
21	31/07/2024	74.863.532.129	6.314.479,64	11.856	12
22	07/08/2024	74.785.797.813	6.314.479,64	11.844	(12)
23	21/08/2024	77.794.472.850	6.550.687,07	11.876	32
24	31/08/2024	78.203.765.928	6.572.023,81	11.899	23
25	11/09/2024	78.240.239.802	6.572.023,81	11.905	6
26	25/09/2024	81.013.423.204	6.787.960,62	11.935	30
27	30/09/2024	81.315.337.545	6.808.312,13	11.944	9
28	09/10/2024	81.352.245.431	6.808.312,13	11.949	5
29	23/10/2024	84.447.880.652	7.055.542,66	11.969	20
30	31/10/2024	84.662.309.409	7.069.861,32	11.975	6
31	13/11/2024	84.656.593.693	7.069.861,32	11.974	(1)
32	27/11/2024	87.773.485.828	7.319.154,56	11.992	18
33	30/11/2024	87.953.563.693	7.330.621,72	11.998	6
34	11/12/2024	88.121.503.142	7.330.621,72	12.021	23
35	25/12/2024	90.948.461.378	7.560.491,00	12.029	8
36	31/12/2024	91.370.732.919	7.578.721,15	12.056	27

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

71.645.082.476

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm

-

- Mức cao nhất trong năm

59

QUỸ HỮU TRÌ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB AN KHANG

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Giá trị tài sản ròng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại	Tăng/(giảm)
				ngày tính NAV VND	NAV/CCQ VND
1	31/12/2024	91.370.732.919	7.578.721,15	12.056	
2	08/01/2025	91.260.691.710	7.578.721,15	12.042	(14)
3	22/01/2025	94.177.069.138	7.806.343,61	12.064	22
4	31/01/2025	94.630.421.622	7.827.695,92	12.089	25
5	12/02/2025	94.892.189.769	7.827.695,92	12.123	34
6	26/02/2025	98.373.794.632	8.076.677,15	12.180	57
7	28/02/2025	98.374.569.102	8.076.677,15	12.180	-
8	12/03/2025	98.725.113.245	8.076.677,15	12.223	43
9	26/03/2025	102.098.602.682	8.356.114,80	12.218	(5)
10	31/03/2025	102.313.641.173	8.379.621,02	12.210	(8)
11	09/04/2025	101.194.823.021	8.379.621,02	12.076	(134)
12	23/04/2025	105.234.158.148	8.650.514,27	12.165	89
13	30/04/2025	105.812.581.703	8.674.615,77	12.198	33
14	07/05/2025	105.999.314.258	8.674.615,77	12.219	21
15	21/05/2025	109.829.784.436	8.929.448,97	12.300	81
16	31/05/2025	109.994.734.596	8.931.257,58	12.316	16
17	11/06/2025	110.072.448.717	8.931.257,58	12.324	8
18	25/06/2025	113.945.119.436	9.196.725,13	12.390	66
19	30/06/2025	114.223.253.998	9.213.911,22	12.397	7
20	09/07/2025	114.546.353.499	9.213.911,22	12.432	35
21	23/07/2025	117.966.364.221	9.437.152,29	12.500	68
22	31/07/2025	120.051.448.767	9.593.693,79	12.514	14
23	13/08/2025	120.845.929.798	9.593.693,79	12.596	82
24	27/08/2025	126.749.333.215	10.040.946,87	12.623	27
25	31/08/2025	126.212.228.438	9.988.067,62	12.636	13
26	10/09/2025	126.183.508.360	9.988.067,62	12.633	(3)
27	24/09/2025	132.085.370.428	10.437.091,51	12.655	22
28	30/09/2025	132.429.866.306	10.457.248,50	12.664	9
29	08/10/2025	132.646.821.716	10.457.248,50	12.685	21
30	22/10/2025	138.076.231.670	10.892.499,20	12.676	(9)
31	31/10/2025	137.933.748.785	10.900.319,41	12.654	(22)
32	12/11/2025	137.933.015.821	10.900.319,41	12.654	-
33	26/11/2025	144.133.631.011	11.354.823,66	12.694	40
34	30/11/2025	144.558.750.705	11.378.802,88	12.704	10
35	10/12/2025	144.621.260.076	11.378.802,88	12.710	6
36	24/12/2025	150.806.277.957	11.848.152,61	12.728	18
37	31/12/2025	149.793.382.783	11.752.938,97	12.745	17

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

118.114.538.895

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm

-

- Mức cao nhất trong năm

134

19 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	CCQ	CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	11.752.938,97	7.578.721,15

20 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

21 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	389.630.661	122.897.438
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	386.116.643	120.210.260
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	3.514.018	2.687.178
Phí ngân hàng	3.205.775	2.494.360
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	3.205.775	2.494.360
Lãi tiền gửi	3.783.340	3.800.731
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	3.783.340	3.800.731

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỄN MB AN KHANG**Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	160.571.129	119.759.006
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	160.571.129	119.759.006
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi phong tỏa	1.519.423.538	194.743.836
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	1.519.423.538	194.743.836
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	4.000.000	4.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	4.000.000	4.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Quỹ đầu tư.

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo Thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 23 tháng 03 năm 2026